

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN TRONG NƯỚC
ÁP DỤNG CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN
(có hiệu lực thi hành từ ngày 06/07/2026)

STT	Dịch vụ	Mức phí	
		Kênh quầy	Kênh NHĐT
1.	Chuyển tiền đi		
1.1.	Chuyển đi cùng hệ thống VCB		
1.1.1.	<i>Trích tài khoản chuyển đi (tài khoản - tài khoản)</i>		Miễn phí
	<i>Tài khoản VND</i>	5.000 VND/giao dịch	
	<i>Tài khoản ngoại tệ</i>	0,5 USD/giao dịch	
1.1.2.	<i>Trích tài khoản chuyển đi cho người nhận bằng tiền mặt (tài khoản - tiền mặt)</i>		Miễn phí
	<i>Tài khoản VND</i>	0,03% Tối thiểu: 10.000 VND Tối đa: 1.000.000 VND	
	<i>Tài khoản ngoại tệ (Nhận VND)</i>	0,03% Tối thiểu: 1 USD Tối đa: 70 USD	
1.1.3.	<i>Nộp tiền mặt vào tài khoản người khác (tiền mặt - tài khoản)</i>	0,03% Tối thiểu: 10.000 VND Tối đa: 1.000.000 VND	N/A
1.1.4.	<i>Nộp tiền mặt chuyển đi cho người nhận bằng tiền mặt (tiền mặt - tiền mặt)</i>	0,05% Tối thiểu: 20.000 VND Tối đa: 2.000.000 VND	N/A
1.2.	Chuyển tiền đi khác hệ thống VCB		
1.2.1.	<i>Trích tài khoản chuyển đi</i>		Miễn phí
	<i>Tài khoản VND</i>	0,03% Tối thiểu: 10.000 VND Tối đa: 1.000.000 VND	

STT	Dịch vụ	Mức phí	
		Kênh quầy	Kênh NHDT
	<i>Tài khoản ngoại tệ</i>	0,03% Tối thiểu: 1 USD Tối đa: 70 USD	
1.2.2.	<i>Nộp tiền mặt chuyển đi</i>	0,05% Tối thiểu: 20.000 VND Tối đa: 2.000.000 VND	N/A
1.3.	Chuyển tiền định kỳ theo yêu cầu khách hàng	20.000 VND/giao dịch + Phí chuyển tiền tương ứng	Miễn phí
1.4.	Chuyển tiền theo danh sách/theo lô/theo bảng kê	20.000 VND/ bảng kê + Phí chuyển tiền tương ứng của từng giao dịch	N/A
2.	Chuyển tiền đến		
2.1.	Chi trả vào tài khoản người thụ hưởng tại VCB	Miễn phí	N/A
2.2.	Chi trả tiền mặt cho người thụ hưởng không có tài khoản		
2.2.1.	<i>Người gửi thực hiện tại VCB</i>	Miễn phí	N/A
2.2.2.	<i>Người gửi thực hiện tại Ngân hàng khác</i>	0,03% Tối thiểu: 10.000 VND Tối đa: 1.000.000 VND	N/A
3.	Giao dịch Séc do VCB cung ứng (thu của người ký phát séc)		
3.1.	Cung ứng séc trắng		N/A
	<i>Tài khoản VND</i>	20.000 VND/cuốn	
	<i>Tài khoản ngoại tệ</i>	2 USD/cuốn	
3.2.	Bảo chi séc		N/A
	<i>Tài khoản VND</i>	20.000 VND/tờ	
	<i>Tài khoản ngoại tệ</i>	2 USD/ tờ	

STT	Dịch vụ	Mức phí	
		Kênh quầy	Kênh NHDT
3.3.	Đình chỉ thanh toán séc/thông báo mất Séc		N/A
	<i>Tài khoản VND</i>	20.000 VND/tờ	
	<i>Tài khoản ngoại tệ</i>	2 USD/ tờ	
3.4.	Thanh toán séc lĩnh tiền mặt		
3.4.1.	<i>Người thụ hưởng đồng thời là người ký phát</i>		N/A
	<i>Tài khoản VND</i>	Miễn phí	
	<i>Tài khoản ngoại tệ</i>	Áp dụng phí rút tiền mặt ngoại tệ của chủ tài khoản	
3.4.2.	<i>Người thụ hưởng khác với người ký phát</i>		N/A
	<i>Tài khoản VND</i>	0,03% Tối thiểu: 10.000 VND Tối đa: 1.000.000 VND	
	<i>Tài khoản ngoại tệ (Nhận VND)</i>	0,03% Tối thiểu: 1 USD Tối đa: 70 USD	
3.5.	Thanh toán séc chuyển khoản	Theo mức phí chuyển tiền tương ứng	N/A
3.6.	Thông báo séc không đủ khả năng thanh toán		N/A
	<i>Tài khoản VND</i>	20.000 VND/ tờ	
	<i>Tài khoản ngoại tệ</i>	2 USD/ tờ	
4.	Giao dịch Séc do tổ chức khác phát hành (thu của người thụ hưởng)		
4.1.	Nhận séc để gửi đi nhờ thu		N/A
	<i>Tài khoản VND</i>	10.000 VND/ tờ	
	<i>Tài khoản ngoại tệ</i>	1 USD/ tờ	

STT	Dịch vụ	Mức phí	
		Kênh quầy	Kênh NHDT
4.2.	Hủy yêu cầu nhờ thu		N/A
	<i>Tài khoản VND</i>	20.000 VND/ tờ	
	<i>Tài khoản ngoại tệ</i>	2 USD/ tờ	
4.3.	Thanh toán kết quả nhờ thu		N/A
4.3.1.	<i>Séc lĩnh tiền mặt</i>		
	<i>Tài khoản VND</i>	0,10% Tối thiểu: 20.000 VND	
	<i>Tài khoản ngoại tệ</i>	0,30% Tối thiểu: 3 USD	
4.3.2.	<i>Séc chuyển khoản vào tài khoản VCB</i>	Miễn phí	
5.	Tra soát		
5.1.	Tra soát lệnh chuyển tiền đến	Miễn phí	
5.2.	Tra soát/điều chỉnh/hủy lệnh chuyển tiền đi	30.000 VND/lần tra soát/điều chỉnh/hủy lệnh	
5.3.	Tra soát thanh toán séc		N/A
	<i>Tài khoản VND</i>	20.000 VND/ tờ	
	<i>Tài khoản ngoại tệ</i>	2 USD/ tờ	
6.	Dịch vụ khác	Thỏa thuận Tối thiểu 20.000 VND	N/A

GHI CHÚ

1. Các mức phí quy định tại biểu phí chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Khi thu phí dịch vụ, Vietcombank sẽ tính và thu thuế VAT theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Đối với mức phí quy định theo tỷ lệ % thì phí thu được tính theo tỷ lệ % x giá trị giao dịch tương ứng.
3. Mức phí quy định trong biểu phí chưa bao gồm các khoản phí (điện phí, bưu phí, thuế, phí dịch vụ...) phải trả cho các đơn vị và/hoặc các ngân hàng khác cùng tham gia cung ứng dịch vụ. Vietcombank sẽ thu các khoản phí này (nếu phát sinh) cùng với Phí dịch vụ tương ứng theo Biểu phí của Vietcombank.
4. Các giao dịch liên quan đến việc sử dụng ngoại tệ tuân thủ theo quy định Quản lý Ngoại hối hiện hành của nhà nước.
5. Khi thu phí các giao dịch trích tài khoản chuyển đi, ngoài khoản phí trích tài khoản chuyển đi,

GHI CHÚ

VCB sẽ thu thêm phí chuyển khoản trong vòng 2 ngày kể từ ngày chủ tài khoản/người được chủ tài khoản ủy quyền nộp tiền mặt vào tài khoản nếu nguồn tiền chuyển đi là nguồn nộp tiền mặt vào tài khoản trong vòng 2 ngày (nếu có).

6. Khi thu phí các giao dịch nộp tiền mặt chuyển đi, ngoài khoản phí nộp tiền mặt chuyển đi, VCB sẽ thu thêm phí nộp tiền mặt VNĐ nhỏ lẻ nếu số tiền nộp có mệnh giá từ 20.000 VNĐ trở xuống với số lượng lớn (trên 100 tờ).
7. Khách hàng có thể trả phí dịch vụ bằng VND đối với các khoản phí được thu bằng ngoại tệ theo tỷ giá do Vietcombank công bố tại thời điểm thu phí.
8. Trường hợp khách hàng cá nhân (KHCCN) nộp tiền mặt vào tài khoản tại Vietcombank, biểu phí áp dụng để tính phí được căn cứ vào loại tài khoản ghi có, cụ thể:
 - Trường hợp KHCCN A nộp tiền vào tài khoản của cá nhân B: phí giao dịch được tính theo biểu phí dịch vụ áp dụng cho khách hàng cá nhân;
 - Trường hợp KHCCN A nộp tiền vào tài khoản công ty C: phí giao dịch được tính theo biểu phí áp dụng cho khách hàng là tổ chức, doanh nghiệp;
 - Trường hợp KHCCN A nộp tiền vào tài khoản của ngân hàng D: phí giao dịch được tính theo biểu phí áp dụng cho khách hàng là định chế tài chính.
9. Trường hợp khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc khách hàng ngưng sử dụng dịch vụ trước hạn hoặc giao dịch không được thực hiện vì sai sót không phải do lỗi của VCB gây ra, Vietcombank không hoàn lại phí dịch vụ và các khoản phí khác (điện phí, bưu phí, thuế, phí dịch vụ ... phải trả các đơn vị/ngân hàng khác) đã thu.
10. Tiền VNĐ nhỏ lẻ là các tờ tiền có mệnh giá từ 20.000 VNĐ trở xuống.
11. N/A: Không áp dụng.
12. Vietcombank có thể thay đổi Biểu phí dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân mà không cần báo trước với khách hàng, trừ khi có thoả thuận khác.